

# NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG BỆNH VẢY NÉN ĐIỀU TRỊ TẠI KHOA DA LIỄU, BỆNH VIỆN VIỆT-TIỆP HẢI PHÒNG

PHAN HUY THỤC, PHẠM VĂN THỨC

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Vảy nến là bệnh da mạn tính, gặp ở mọi lứa tuổi, mọi giới. Bệnh chiếm 1-4% dân số thế giới, khoảng 5-7% tổng số bệnh nhân da liễu đến khám tại các phòng khám da liễu. Sinh bệnh học bệnh vảy nến còn nhiều vấn đề chưa rõ ràng nhưng đến nay đa số các tác giả đều thống nhất vảy nến là bệnh có yếu tố di truyền và rối loạn miễn dịch. Bệnh được khởi động bởi nhiều yếu tố như stress, chấn thương, nhiễm khuẩn, thuốc, thời tiết, thức ăn... Bệnh có liên quan chặt chẽ đến thay đổi miễn dịch tại mô tổn thương cũng như trong máu mà vai trò là các lympho T, nhưng vai trò chủ yếu là Th1. Tổn thương cơ bản trong bệnh vảy nến là dát đỏ, to nhỏ khác nhau từ các chấm nhỏ có đường kính vài mm đến các tổn thương hàng chục cm đường kính. Ranh giới tổn thương rõ với da lành, trên có phủ vảy da trắng dễ bong. Bệnh nhân thường ngứa ít, khoảng 20-40% các trường hợp, có thể ngứa tăng ở giai đoạn bệnh tiến triển mạnh do liên quan đến các yếu tố khởi động gây kích thích tại chỗ làm bệnh khởi phát hoặc đợt tái phát mới. Vị trí tổn thương hay gặp ở những vùng tỳ đè như mặt trước cẳng chân, mặt dưới cẳng tay, đầu... thường có tính chất đối xứng.

Bệnh vảy nến có nhiều thể lâm sàng nhưng gồm 2 thể chính là vảy nến thể thông thường và các thể nặng khác như vảy nến thể mũ, vảy nến thể khớp, vảy nến đỏ da toàn thân.

Để có những hiểu biết thêm về đặc điểm lâm sàng bệnh vảy nến, chúng tôi nghiên cứu đề tài với mục tiêu sau: Tìm hiểu một số đặc điểm lâm sàng của bệnh vảy nến.

## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Đối tượng nghiên cứu

- Gồm 56 bệnh nhân điều trị tại Khoa Da liễu Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng, được chẩn đoán xác định là vảy nến từ tháng 1/2010 đến tháng 12/2010.

- Tiêu chuẩn chọn bệnh án: Bệnh án có đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc thu thập thông tin cần nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại bệnh án: Bệnh án không đủ các số liệu cần thiết.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu hồi cứu, mô tả cắt ngang đối với các bệnh nhân được chẩn đoán xác định vảy nến.

- Cơ mẫu: Mẫu thuận tiện (tất cả bệnh án đủ tiêu chuẩn).

- Các bước tiến hành: Lập phiếu nghiên cứu, tuyển chọn bệnh án đủ tiêu chuẩn và thu thập các chỉ số cần thiết vào phiếu nghiên cứu.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Đặc điểm lâm sàng bệnh vảy nến

Bảng 1: Phân bố theo nhóm tuổi (n = 56)

Nhóm tuổi	Số lượng	Tỷ lệ	P
< 17 tuổi	1	1,78	< 0,01
17- 60 tuổi	47	83,92	
> 60 tuổi	8	14,28	
Tổng cộng	56	100	

Nghiên cứu chúng tôi thấy ở nhóm tuổi 17 - 60 chiếm tỷ lệ cao nhất là 83,92%, trên 60 tuổi chiếm 14,28%, nhóm dưới 17 tuổi là 1,78%. Sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,01$ .

Bảng 2: Phân bố theo giới (n = 56)

Chỉ tiêu	Giới		Tổng số
	Nam	Nữ	
n	37	19	56
%	66,07	33,92	100
p	< 0,05		

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ nam giới mắc bệnh cao hơn so với nữ giới (66,07% so với 33,92%), tỷ lệ nam/nữ = 1,9/1. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ .

Bảng 3: Triệu chứng ngứa

Triệu chứng cơ năng	Số lượng	Tỷ lệ
Ngứa	33	53,23
Không ngứa	29	46,77
Tổng cộng	62	100

Có 33/56 chiếm tỷ lệ 53,23% bệnh nhân có ngứa ở các mức độ khác nhau, 46,77% bệnh nhân không có ngứa.

Bảng 4: Các loại tổn thương

Các loại thương tổn	Số lượng	Tỷ lệ
Dát đỏ	56	100
Vảy da	56	100
Mụn nước	1	1,78
Mụn mũ	5	8,92

Biểu hiện lâm sàng đỏ da, vảy da gặp 100% các trường hợp, có 8,92% bệnh nhân có mụn mũ, chỉ có 1 trường hợp có kèm theo mụn nước chiếm 1,78%.

Bảng 5: Vị trí tổn thương ở da

Vị trí tổn thương da	Số lượng	Tỷ lệ
Đầu gối	3	5,35
Cẳng chân	24	42,85
Cẳng tay	14	25
Thân người	50	89,28
Đầu	11	19,64
Mặt	1	1,78
Móng	2	3,57
Bàn chân, bàn tay	3	5,35
Nếp gấp	0	

Kết quả bảng trên cho thấy vị trí tổn thương ở thân người chiếm 89,28%, cẳng chân 42,8%, cẳng tay 25%,

da đầu là 19,64%. Các vùng da khác như bàn chân, bàn tay, mặt ít bị tổn thương

Bảng 6: Các thể lâm sàng

Thể lâm sàng	Số lượng	Tỷ lệ
Thể mảng	32	57,14
Thể giọt	5	8,92
Thể đồng tiền	1	1,78
Thể mụn	1	1,78
Thể khớp	13	23,21
Thể đỏ da	0	
Tổng số	56	100

Chúng tôi thấy có 32/56 trường hợp vẩy nến thể mảng chiếm tỷ lệ 57,14%, thể khớp là 23,21%, thể giọt là 8,92%. Các thể lâm sàng khác ít gặp.

Bảng 7: Mức độ bệnh

Mức độ bệnh	Số lượng	Tỷ lệ
Nhẹ	14	25
Trung bình	38	67,85
Nặng	4	7,14
Tổng số	56	100

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có 38/56 bệnh nhân bị bệnh ở mức độ trung bình (chỉ số PASI từ 10-20) chiếm tỷ lệ 67,85%, mức độ nhẹ (chỉ số PASI <10) chiếm 25%, mức độ nặng là 7,14% (chỉ số PASI ≥20).

Bảng 8: Biến chứng

Biến chứng	Số lượng	Tỷ lệ
Nhiễm trùng	4	7,14
Eczema hoá	1	1,78
Đỏ da toàn thân	1	1,78
Tổng số	6	10,70

Tỷ lệ bệnh nhân có biến chứng nhiễm trùng chiếm 7,14%, eczema và đỏ da toàn thân chiếm 1,78%. Số bệnh nhân vẩy nến có biến chứng là 10,70%.

Bảng 9: Biểu hiện khớp

Biểu hiện khớp	Số lượng	Tỷ lệ
Biến dạng khớp	2	3,57
Viêm khớp mạn tính	11	19,64
Tổng số	13	23,21

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có 13 bệnh nhân vẩy nến thể khớp chiếm 23,21% trong đó bệnh nhân viêm khớp mạn tính 19,64%, biến dạng khớp là 3,57%.

## BÀN LUẬN

### 1. Đặc điểm lâm sàng

#### Nhóm tuổi

Nhóm tuổi hay gặp trong nghiên cứu là 17 - 60 tuổi chiếm tỷ lệ 55,35%, nhóm trên 60 tuổi chiếm 14,28%, nhóm tuổi dưới 17 chỉ chiếm tỷ lệ 1,78%. Sự khác biệt giữa các nhóm tuổi có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,01$ . Trong nghiên cứu của chúng tôi có 1 bệnh nhân trẻ nhất là 14 tuổi, cao tuổi nhất là 84 tuổi. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với đa số các tác giả trong và ngoài nước là bệnh vẩy nến gặp nhiều ở tuổi thanh niên và trung niên.

#### Giới tính

Có 37 bệnh nhân nam trong tổng số 56 bệnh nhân vẩy nến chiếm tỷ lệ 66,07%, cao hơn so với nữ giới chiếm 33,92%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$ ). Tỷ lệ nữ/nam là 1,9/1. Kết quả nghiên cứu phù

hợp với các tác giả khác là bệnh vẩy nến gặp ở nam nhiều hơn nữ.

#### Các biểu hiện lâm sàng

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có 100% các trường hợp có biểu hiện dát đỏ, ranh giới rõ với vùng da lành, trên đó có nhiều vẩy da trắng dễ bong. Chỉ có 5 bệnh nhân có tổn thương mụn mủ kèm theo chiếm tỷ lệ 8,92% trong đó có 1 trường hợp mụn mủ khu trú ở lòng bàn tay. Có 1 trường hợp có mụn nước. Có 33/56 chiếm tỷ lệ 53,23% bệnh nhân có ngứa ở các mức độ khác nhau, 46,77% bệnh nhân không có ngứa. Theo một số tác giả, tỷ lệ bệnh nhân vẩy nến có ngứa chiếm khoảng 20-40%. Nghiên cứu của chúng tôi tỷ lệ bệnh nhân có ngứa cao hơn, có thể đây là một trong những biểu hiện kích ứng da trong các đợt tái phát.

#### Vị trí tổn thương ở da

Các vùng tý đề, thân người là vùng da tổn thương hay gặp. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tổn thương ở thân người chiếm 89,28%, cẳng chân 42,85%, cẳng tay 25%, đầu 19,64%, tổn thương móng 3,57%. Chỉ có 1 trường hợp tổn thương ở mặt chiếm tỷ lệ 1,78%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê  $p < 0,05$ . Kết quả này cũng phù hợp với đa số các tác giả.

#### Các thể lâm sàng

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy bệnh nhân vẩy nến thể mảng chiếm đa số với tỷ lệ 57,14%, thể khớp là 23,21%, thể giọt 8,92%, có 1 bệnh nhân thể đồng tiền chiếm 1,78%. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của một số tác giả.

#### Mức độ bệnh

Bệnh vẩy nến có mức độ trung bình chiếm tỷ lệ 67,85%, mức độ nhẹ 25%, mức độ nặng 7,14%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của Đặng Văn Em.

#### Biến chứng

Có 6/56 bệnh nhân biến chứng chiếm tỷ lệ 10,70%, trong đó biến chứng nhiễm trùng là 7,14, eczema hoá và đỏ da toàn thân là 1,78%.

#### Biểu hiện khớp

Bệnh nhân vẩy nến thể khớp chiếm 23,21%, trong đó viêm khớp mạn tính 19,64%, biến dạng khớp 3,57%. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy bệnh nhân chủ yếu có sưng đau các khớp nhỏ kéo dài, biến dạng cột sống và khớp lớn.

## KẾT LUẬN

### 1. Đặc điểm lâm sàng của bệnh vẩy nến

- Nhóm tuổi mắc bệnh hay gặp là 17 - 60 tuổi chiếm 55,35%, tỷ lệ bệnh nhân nam mắc bệnh vẩy nến cao hơn nữ giới tỷ lệ 1,9/1.

- Vẩy nến thể mảng chiếm 57,14%, vẩy nến thể khớp chiếm 23,21%, vẩy nến thể giọt là 8,92%.

- Những biểu hiện lâm sàng bệnh: 100% bệnh nhân có dát đỏ với các kích thước khác nhau trên có nhiều vẩy da trắng, mụn mủ chiếm 8,92%, 53,23% bệnh nhân có ngứa ở các mức độ khác nhau, 46,77% bệnh nhân không có ngứa

- Vị trí tổn thương ở vùng thân mình chiếm 89,28%, cẳng chân chiếm 42,85%, cẳng tay chiếm 25%, da

đầu chiếm 19,64%, móng là 3,57%, rất ít khi có tổn thương vảy nến ở mặt.

- Bệnh vảy nến có mức độ trung bình chiếm tỷ lệ 67,85%, mức độ nhẹ 25%, mức độ nặng 7,14%.

- Có 6/56 bệnh nhân biến chứng chiếm tỷ lệ 10,70%, trong đó biến chứng nhiễm trùng là 7,14, eczema hoá và đỏ da toàn thân là 1,78%.

- Bệnh nhân vảy nến thể khớp chiếm 23,21%, trong đó viêm khớp mạn tính 19,64%, biến dạng khớp 3,57%.

#### **SUMMARY**

Psoriasis, that affects 1.5-4% of the population in the world, is a hereditary disorder of the skin with several clinical expressions. The most common type is psoriasis vulgaris, which occurs as chronic, recurring, scaling plaque in characteristic site on the body. Research on 56 patients diagnosed psoriasis, there are

55.35% patients with aged from 17 to 60. The plaque psoriasis is 57.14% and other is 42.86%.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Cảnh Cầu, Nguyễn Khắc Viện, Bùi Khánh Duy.(2001), "Giáo trình bệnh da và hoa liễu", Nhà xuất bản quân đội nhân dân, tr. 335-340.

2. Lê Kinh Duệ.(1997), " Một số kiến thức mới về căn sinh bệnh học bệnh vảy nến", Nội san Da liễu, tr.2-6.

3. Đặng Văn Em. (2000), " Nghiên cứu một số yếu tố khởi động, cơ địa và thay đổi miễn dịch trong bệnh vảy nến thông thường", Luận án Tiến sỹ y học, Đại học Y Hà Nội, 146 trang.

4. Nguyễn Xuân Hiền, Nguyễn Cảnh Cầu, Trương Mộc Lợi. (1992), " Bệnh vảy nến", Nhà xuất bản y học, 139 trang.

5. Fitzpatrick B, Rechar A.J, Wolff K(2001), Color atlas & synopsis of clinical dermatology, pp 50-69.